

Appendix VI

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**  
**EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)

(Issued with the Decision No. 21/QĐ-SGDVN on 21/12/2021 of the CEO of Vietnam Exchange on the Information Disclosure Regulation of Vietnam Exchange)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ**

**VẠN TÀI SAFI**

----------

Số: 21/CBTT-2025

No.: 21/CBTT-2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Independence - Freedom - Happiness**

TP.HCM, ngày 22 tháng 09 năm 2025

HCMC, day 22 month 09 year 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**  
**EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**

**To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange**

1. Tên tổ chức/Name of organization: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẠN TÀI SAFI**

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code: SFI

- Địa chỉ/Address: 209 Nguyễn Văn Thù - Phường Tân Định – Tp. Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 028.38238799 Fax: 028.38226283

- E-mail: dang.hang@safi.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

- Ngày 22/08/2025, công ty đã CBTT Báo cáo tài chính riêng (tiếng Anh) giữa niên độ (đã được soát xét) cho kỳ kế toán từ 01/01/2025 đến 30/06/2025. Nay công ty CBTT lại tài liệu đính kèm BCTC riêng (tiếng Anh) giữa niên độ (đã được soát xét) cho kỳ kế toán từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 (định dạng .pdf) đã được đính chính với đầy đủ trang. Các số liệu của Báo cáo tài chính này không có sự thay đổi.



Lý do: Khi thực hiện quét tài liệu BCTC định dạng .pdf, đã nhầm lẫn quét thiếu trang 33 thuộc phần Thuyết minh BCTC.

- On August 22<sup>nd</sup> 2025, the Company announced the Interim Seperate Financial Statements (English) for the accounting period from January 1<sup>st</sup> 2025 to June 30<sup>th</sup> 2025. Today, the Company announced the information again in the attached documents of the Interim Seperate Financial Statements (English) for the accounting period from January 1<sup>st</sup> 2025 to June 30<sup>th</sup> 2025 (in .pdf format) which have been fully attached with all pages. The data of this Financial Statement has not changed.

Reason: When scanning the financial statement document in .pdf format, there was an error in scanning missing pages 33 in the Notes to the Financial Statement section.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 22/09/2025 tại đường dẫn <https://saficom.vn/bao-cao-thuong-nien> /This information was published on the company's website on 22/09/2025 (date), as in the link <https://saficom.vn/bao-cao-thuong-nien/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố /We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

**Tài liệu đính kèm**

- Báo cáo tài chính riêng (tiếng Anh) giữa niên độ (đã được soát xét) cho kỳ kế toán từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT  
Legal representative/ Person authorized to disclose information  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)  
(Signature, full name, position, and seal)



NGUYỄN HOÀNG ANH



## **INTERIM SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS**

### **SEA AND AIR FREIGHT INTERNATIONAL (SAFI)**

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025  
(reviewed)



## **CONTENTS**

	<b>Pages</b>
Report of The Board of Management	02-03
Review report on Interim Financial Information	04
Reviewed Interim Separate Financial statements	05-35
Interim Separate Statement of Financial position	05-06
Interim Separate Statement of Income	07
Interim Separate Statement of Cash Flows	08-09
Notes To The Interim Separate Financial Statements	10-35

## **SEA AND AIR FREIGHT INTERNATIONAL (SAFI)**

No. 209, Nguyen Van Thu Street, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City

### **REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT**

The Board of Management of Sea and Air Freight International (SAFI) (“the Company”) presents its report and the Company’s Interim Separate Financial statements for the period from 01/01/2025 to 30/06/2025.

#### **THE COMPANY**

Sea and Air Freight International (SAFI) was transformed from a state-owned enterprise to a joint stock company in accordance with Decision No.1247/1998/QĐ - BGTVT dated May 25, 1998 by the Ministry of Transport and operated under Business Registration Certificate of joint stock company No. 0301471330 issued by Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City for the first time on August 31, 1998, 39th re-registered on June 24, 2024.

The Company’s head office is located at: No. 209, Nguyen Van Thu Street, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City.

#### **BOARD OF DIRECTORS, BOARD OF MANAGEMENT AND BOARD OF SUPERVISION**

The members of The Board of Directors during the fiscal year and to the reporting date are:

Mr. Nguyen Hoang Dung	Chairman
Mr. Nguyen Hoang Anh	Vice Chairman
Mr. Dang Tran Phuc	Member
Mr. Nguyen Truong Nam	Member
Mr. Nguyen Hai Nguyen	Member

The members of The Board of Management during the fiscal period and to the reporting date are:

Mr. Nguyen Hoang Anh	General Director
Mr. Nguyen Hoang Dung	Chief Executive Officer

The members of the Board of Supervision during the fiscal period and to the reporting date are:

Mr. Nhu Dinh Thien	Head of Control Department	Resigned on 07/03/2025
Mrs. Tran Thi Ngoc Dao	Member	Resigned on 07/03/2025
Mr. Duong Quang Thoai	Member	Resigned on 07/03/2025

The members of the Audit Committee during the fiscal period and to the reporting date are:

Mr. Nguyen Truong Nam	Chairman of the Audit Committee	Appointed on 20/03/2025
Mr. Nguyen Hai Nguyen	Member	Appointed on 20/03/2025

#### **LEGAL REPRESENTATIVE**

The legal representative of the Company during the period and until the preparation of this Interim Separate Financial Statements are Mr. Nguyen Hoang Anh – General Director and Mr. Nguyen Hoang Dung – Chairman of the Board of Directors.

#### **AUDITORS**

The auditors of the AASC Auditing Firm Company Limited have taken the the audit of Interim Separate Financial statements for the Company.

**SEA AND AIR FREIGHT INTERNATIONAL (SAFI)**

No. 209, Nguyen Van Thu Street, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City

**STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT' RESPONSIBILITY IN RESPECT OF THE INTERIM INTERIM SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS**

The Board of Management is responsible for the Interim Separate Financial statements of each financial year which give a true and fair view of the financial position of the Company; its operating results and its cash flows for the year period. In preparing those Interim Separate Financial statements, The Board of Management is required to:

- Establish and maintain an internal control system which is determined necessary by The Board of Directors and Board of Management to ensure the preparation and presentation of Interim Separate Financial statements do not contain any material misstatement caused by errors or frauds;
- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether applicable accounting standards have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the Interim Separate Financial statements;
- Prepare the Interim Separate Financial statements on the basis of compliance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of Financial Statements;
- Prepare the Interim Separate Financial statements on going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business.

The Board of Management is responsible for ensuring that accounting records are kept to reflect the financial position of the Company, with reasonable accuracy at anytime and to ensure that the Interim Separate Financial statements comply with the current State's regulations. It is responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

The Board of Management confirms that the Interim Separate Financial Statements give a true and fair view of the financial position at 30 June 2025, its operation results and cash flows for the period from 01 January 2025 to 30 June 2025 of the Company in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of the Interim Financial Statements.

**Other commitments**

The Board of Directors pledges that the Company complies with Decree No.155/2020/ND-CP dated 31 December 2020 on detailing and guiding the implementation of a number of articles of the Law on Securities and the Company does not violate the obligations of information disclosure in accordance with the regulations of the Circular No. 96/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 issued by the Ministry of Finance guiding the disclosure of information on Securities Market and the Circular No. 68/2024/TT-BTC dated 18 September 2024 issued by Ministry of Finance amending and supplementing some articles of the Circular No. 96/2020/TT-BTC.

On behalf of The Board of Management



Nguyễn Hoàng Anh  
General Director

Hochiminh, 18 August 2025

No.: 180825.001 /BCTC.KT2

## REVIEW REPORT ON INTERIM FINANCIAL INFORMATION

**To: Shareholders, The Board of Directors and The Board of Management  
Sea and Air Freight International (SAFI)**

We have reviewed the interim Separate Financial statements of Sea and Air Freight International (SAFI) prepared on 18 August 2025, from page 05 to page 35 including: Interim Separate Statement of Financial position as at 30 June 2025, Interim Separate Statement of Income, Interim Separate Statement of Cash Flows and Notes To The Interim Separate Financial Statements for the period from 01 January 2025 to 30 June 2025.

### The Board of Management' responsibility

The Board of Management is responsible for the preparation of Interim Separate Financial Statements that give a true and fair view in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of Interim Financial Statements and for such internal control as management determines is necessary to enable the preparation of Interim Separate Financial Statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

### Auditor's responsibility

Our responsibility is to express a conclusion on these Interim Separate Financial Statements based on our review. We conducted our review in accordance with Vietnamese Standard on Review Engagements 2410, Review of Interim Financial Information Performed by the Independent Auditor of the Entity.

A review of Interim Financial Information consists of making inquiries, primarily of persons responsible for financial and accounting matters, and applying analytical and other review procedures. A review is substantially less in scope than an audit conducted in accordance with Vietnamese Standards on Auditing and consequently does not enable us to obtain assurance that we would become aware of all significant matters that might be identified in an audit. Accordingly, we do not express an audit opinion.

### Auditor's Conclusion

Based on our review, nothing has come to our attention that causes us to believe that the accompanying Interim Separate Financial statements does not give a true and fair view, in all material respects, of the financial position of Sea and Air Freight International (SAFI) as at 30 June 2025, and of its financial performance and its cash flows for the six-month period then ended in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of interim financial statements.

**AASC Auditing Firm Company Limited**



**Vu Xuan Bien**

Deputy General Director

Certificate of registration to audit practice

No: 0743-2023-002-1

Hanoi, 18 August 2025

## INTERIM SEPARATE STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 30 June 2025

Code	ASSETS	Note	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	<b>A. SHORT-TERM ASSETS</b>		<b>600,939,432,185</b>	<b>597,576,672,368</b>
110	<b>I. Cash and cash equivalents</b>	3	<b>144,513,330,817</b>	<b>222,129,377,723</b>
111	1. Cash		51,898,387,353	122,530,637,996
112	2. Cash equivalents		92,614,943,464	99,598,739,727
120	<b>II. Short-term investments</b>	4	<b>205,784,368,563</b>	<b>123,622,252,922</b>
121	1. Trading securities		182,041,778,315	100,443,510,872
123	2. Held to maturity investments		23,742,590,248	23,178,742,050
130	<b>III. Short-term receivables</b>		<b>173,972,897,500</b>	<b>178,206,386,915</b>
131	1. Short-term trade receivables	5	145,275,817,993	139,740,743,758
132	2. <i>Short-term prepayments to suppliers</i>		-	2,625,000
136	3. Other short-term receivables	6	28,697,079,507	38,463,018,157
140	<b>IV. Inventories</b>	7	<b>45,182,494,919</b>	<b>45,520,513,988</b>
141	1. Inventories		45,182,494,919	45,520,513,988
150	<b>V. Other short-term assets</b>		<b>31,486,340,386</b>	<b>28,098,140,820</b>
151	1. Short-term prepaid expenses	10	1,200,000,000	-
152	2. Deductible VAT		30,286,340,386	28,098,140,820
200	<b>B. NON-CURRENT ASSETS</b>		<b>298,591,400,731</b>	<b>300,765,073,103</b>
210	<b>I. Long-term receivables</b>		<b>6,462,473,600</b>	<b>1,462,473,600</b>
216	1. Other long-term receivables	6	6,462,473,600	1,462,473,600
220	<b>II. Fixed assets</b>		<b>43,853,503,057</b>	<b>49,404,492,971</b>
221	1. Tangible fixed assets	8	41,587,179,451	47,128,327,697
222	- <i>Historical costs</i>		210,014,902,750	220,093,669,740
223	- <i>Accumulated depreciation</i>		(168,427,723,299)	(172,965,342,043)
227	2. Intangible fixed assets	9	2,266,323,606	2,276,165,274
228	- <i>Historical costs</i>		4,542,745,000	4,542,745,000
229	- <i>Accumulated amortization</i>		(2,276,421,394)	(2,266,579,726)
250	<b>V. Long-term investments</b>	4	<b>245,829,721,848</b>	<b>246,944,721,848</b>
251	1. Investment in subsidiaries		72,473,650,000	72,473,650,000
252	2. Investments in joint ventures and associates		172,379,124,000	173,359,124,000
253	3. Equity investments in other entities		2,087,000,000	2,087,000,000
254	4. Provision for devaluation of long-term investments		(1,110,052,152)	(975,052,152)
260	<b>VI. Other long-term assets</b>		<b>2,445,702,226</b>	<b>2,953,384,684</b>
261	1. Long-term prepaid expenses	10	2,445,702,226	2,953,384,684
270	<b>TOTAL ASSETS</b>		<b>899,530,832,916</b>	<b>898,341,745,471</b>

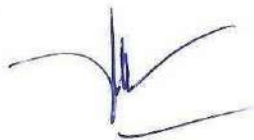


## INTERIM SEPARATE STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

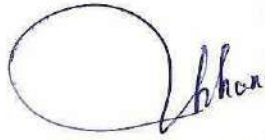
As at 30 June 2025

(continue)

Code	CAPITAL	Note	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
300	<b>C. LIABILITIES</b>		138,491,949,612	160,699,341,045
310	<b>I. Current liabilities</b>		138,400,789,612	160,608,181,045
311	1. Short-term trade payables	11	115,883,775,008	139,682,576,992
313	2. Taxes and other payables to the State budget	12	8,763,564,001	6,032,156,621
314	3. Payables to employees		267,174,727	2,867,853,800
319	4. Other short-term payments	13	2,852,445,909	2,349,554,329
322	5. Bonus and welfare fund		10,633,829,967	9,676,039,303
330	<b>II. Non-current liabilities</b>		91,160,000	91,160,000
337	1. Other long-term payables	13	91,160,000	91,160,000
400	<b>D. OWNER'S EQUITY</b>		761,038,883,304	737,642,404,426
410	<b>I. Owner's equity</b>	14	761,038,883,304	737,642,404,426
411	1. Contributed capital		248,870,460,000	248,870,460,000
411a	Ordinary shares with voting rights		248,870,460,000	248,870,460,000
412	2. Share Premium		26,882,847,992	26,882,847,992
415	3. Treasury shares		(17,300,120,000)	(17,300,120,000)
418	4. Development investment funds		110,518,739,557	102,680,239,789
420	5. Other reserves		290,938,086,507	290,938,086,507
421	6. Retained earnings		101,128,869,248	85,570,890,138
421a	Retained earnings accumulated till the end of the previous year		29,066,772,440	14,257,157,325
421b	Retained earnings of the current year		72,062,096,808	71,313,732,813
440	<b>TOTAL CAPITAL</b>		<b>899,530,832,916</b>	<b>898,341,745,471</b>



Nguyen Thi Duyen Tham  
Preparer



Dang Thi Thuy Hang  
Chief Accountant




Nguyen Hoang Anh  
General Director

Hochiminh, 18 August 2025

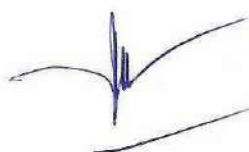
## SEA AND AIR FREIGHT INTERNATIONAL (SAFI)

No. 209, Nguyen Van Thu Street, Tan Dinh Ward,  
Ho Chi Minh CityInterim Separate Financial statements  
For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

## INTERIM SEPARATE STATEMENT OF INCOME

The first 6 months of 2025

Code	ITEM	Note	The first 6 months	The first 6 months
			of 2025	of 2024
			VND	VND
01	1. Revenue from sales of goods and rendering of services	16	514,968,184,270	478,104,774,575
02	2. Revenue deductions		-	-
10	3. Net revenue from sales of goods and rendering of services		514,968,184,270	478,104,774,575
11	4. Cost of goods sold	17	427,876,788,888	407,970,301,530
20	5. Gross profit from sales of goods and rendering of services		87,091,395,382	70,134,473,045
21	6. Financial income	18	41,102,879,226	18,837,867,162
22	7. Financial expense	19	432,723,177	(806,029,471)
23	<i>In which: Interest expenses</i>		-	-
25	8. Selling expenses	20	36,258,423,237	32,769,009,212
26	9. General and administrative expense	21	8,575,863,727	12,130,851,258
30	10. Net profit from operating activities		82,927,264,467	44,878,509,208
31	11. Other income		-	496,941,991
32	12. Other expense	22	167,997,768	4,588,219
40	13. Other profit		(167,997,768)	492,353,772
50	14. Total net profit before tax		82,759,266,699	45,370,862,980
51	15. Current corporate income tax expenses	23	10,697,169,891	7,354,374,663
60	17. Profit after corporate income tax		<u>72,062,096,808</u>	<u>38,016,488,317</u>



Nguyen Thi Duyen Tham  
Preparer



Dang Thi Thuy Hang  
Chief Accountant



Nguyen Hoang Anh  
General Director


Hochiminh, 18 August 2025

**INTERIM SEPARATE STATEMENT OF CASH FLOWS***The first 6 months of 2025  
(Indirect method)*

Code ITEM	Note	The first 6 months	The first 6 months
		of 2025	of 2024
		VND	VND
<b>I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES</b>			
01	1. Profit before tax	82,759,266,699	45,370,862,980
	2. Adjustments for		
02	- Depreciation and amortization of fixed assets and investment properties	5,236,758,308	7,690,418,218
03	- Provisions	135,000,000	(960,000,000)
04	- Exchange gains / losses from retranslation of monetary items denominated in foreign currency	(224,449,425)	(1,577,327,766)
05	- Gains / losses from investment	(33,982,193,950)	(10,041,298,708)
07	- Other adjustments	178,355,051	-
08	3. Operating profit before changes in working	54,102,736,683	40,482,654,724
09	- Increase or decrease in receivables	(3,154,818,812)	(13,983,726,315)
10	- Increase or decrease in inventories	338,019,069	(1,138,076,171)
11	- Increase or decrease in payables (excluding interest payable/ corporate income tax payable)	(26,195,324,224)	(3,920,567,259)
12	- Increase or decrease in prepaid expenses	(692,317,542)	(48,094,447)
13	- Increase or decrease in trading securities	(81,598,267,443)	8,040,042,099
15	- Corporate income tax paid	(7,856,509,215)	(9,540,209,886)
17	- Other payments on operating activities	(1,393,759,266)	(1,217,167,377)
20	Net cash flows from operating activities	(66,450,240,750)	18,674,855,368
<b>II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES</b>			
21	1. Purchase or construction of fixed assets and other long-term assets	-	(2,774,848,080)
22	2. Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets	162,962,962	345,454,545
23	3. Loans and purchase of debt instruments from other entities	-	(22,823,742,631)
24	4. Collection of loans and resale of debt instrument of other entities	-	21,937,326,847
25	5. Equity investments in other entities	-	(10,907,350,000)
26	6. Proceeds from equity investment in other entities	980,000,000	12,000,000,000
27	7. Interest and dividend received	33,769,723,057	10,921,639,672
30	Net cash flows from investing activities	34,912,686,019	8,698,480,353
<b>III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES</b>			
31	1. Proceeds from issuance of shares and receipt of contributed capital	-	10,710,000,000
36	2. Dividends or profits paid to owners	(46,302,941,600)	(46,204,491,200)
40	Net cash flows from financing activities	(46,302,941,600)	(35,494,491,200)


**INTERIM SEPARATE STATEMENT OF CASH FLOWS***The first 6 months of 2025  
(Indirect method)*

Code ITEM	Note	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
		VND	VND
50 Net cash flows in the year		(77,840,496,331)	(8,121,155,479)
60 Cash and cash equivalents at beginning of the year		222,129,377,723	201,462,273,201
61 Effect of exchange rate fluctuations		224,449,425	1,577,327,766
70 Cash and cash equivalents at end of the year	3	<u>144,513,330,817</u>	<u>194,918,445,488</u>




Nguyen Thi Duyen Tham  
Preparer

Hochiminh, 18 August 2025



Dang Thi Thuy Hang  
Chief Accountant

Nguyen Hoang Anh  
General Director

**NOTES TO THE INTERIM SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS***The first 6 months of 2025***1 . GENERAL INFORMATION OF THE COMPANY****Form of ownership**

Sea and Air Freight International (SAFI) was transformed from a state-owned enterprise to a joint stock company in accordance with Decision No.1247/1998/QĐ - BGT/VT dated May 25, 1998 by the Ministry of Transport and operated under Business Registration Certificate of joint stock company No. 0301471330 issued by Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City for the first time on August 31, 1998, 39th re-registered on June 24, 2024.

The Company's head office is located at: No. 209, Nguyen Van Thu Street, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City.

The registered charter capital of the Company is VND 248,870,460,000; the actual charter capital contributed to 30 June 2025 is VND 248,870,460,000; Equivalent to 24,887,046 shares with the price of VND 10,000 per share.

The total number of employees in the Company as at 30 June 2025 is 356 people (as at 01 January 2025 was 360 people).

**Business field**

The company operates in the field of transport services business and transport agents.

**Business activities**

Main business activities of the Company include:

- Support services related to transportation. Details: Transport agency. Authorized agency for container management and freight forwarding. Exploiting, collecting goods and domestic transportation. Shipping agent. Delivery of imported and exported goods. Marine services and supply ships. Plane
- Agency, broker, auction. Detail: Ship broker;
- Warehousing and storage of goods. Detail: warehouse business;
- Goods transport by land. Details: Transit goods to Laos, Cambodia and contrary (only when fully transit goods procedures). Multimodal international transport.

**The Company's operation in the year that affects the Separate Financial Statements**

In the first 6 months of 2025, the recovery and growth of import and export activities increased the demand for logistics services and maritime transport, air transport and shipping agency services. Therefore, the Company's revenue increased by 7.71% and gross profit increased by 24.18% compared to last year. In addition, during the period, the Company recorded higher dividends and profits from investments than the previous period, thereby leading to a 118.19% increase in financial revenue compared to the same period last year.

**Corporate structure**

<b>The Company's member entities are as follows:</b>	<b>Address</b>
Branch of Sea & Air Freight International (SAFI) in Quang Ninh	No. 1, Cai Lan Street, Bai Chay Ward, Quang Ninh
Branch of Sea & Air Freight International (SAFI)	Room 538, 5th floor, Thanh Dat 1 Building, No. 3 Le Thanh Tong Street, Ngo Quyen Ward, Hai Phong City
Branch of Sea & Air Freight International (SAFI)	Floor 7, Building 315 Truong Chinh, Phuong Liet Ward, Hanoi City
Branch of Sea & Air Freight International (SAFI) in Da Nang	Lot 39, Road No. 2, Da Nang Industrial Park, An Hai Ward, Da Nang City, Vietnam
Branch of Sea & Air Freight International (SAFI) in Binh Dinh	201-203 Le Duc Tho Street, Quy Nhon Ward, Gia Lai Province
Branch of Sea & Air Freight International (SAFI)	30B Xo Viet Nghe Tinh, Vung Tau Ward, Ho Chi Minh City

Information of subsidiaries, Associates and Joint ventures of the Company is provided in Note No 4.

## **2 . ACCOUNTING SYSTEM AND ACCOUNTING POLICY**

### **2.1 . Accounting period and accounting currency**

Annual accounting period commences from 01 January and ends as at 31 December.

The Company maintains its accounting records in VND.

### **2.2 . Standards and Applicable Accounting Policies**

#### *Applicable Accounting Policies*

The Company applies Corporate Accounting System issued under the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 by the Ministry of Finance and the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 issued by Ministry of Finance amending and supplementing some articles of the Circular No. 200/2014/TT-BTC.

#### *Declaration of compliance with Accounting Standards and Accounting System*

The Company applies Vietnamese Accounting Standards and supplementary documents issued by the State. Financial Statements are prepared and presented in accordance with regulations of each standard and supplementary document as well as with current Accounting Standards and Accounting System.

### **2.3 . Basis for preparation of Interim Separate Financial statements**

Interim Separate Financial statements are presented based on historical cost principle.

Interim Separate Financial statements of the Company are prepared based on summarization of transactions incurred, then recorded into accounting books of dependent accounting entities and at the offices of the Company.

The Users of this Interim Separate Financial statements should study the separate financial statements combined with the consolidated financial statements of the Company and its subsidiaries ("the Group") for the period from 01/01/2025 to 30/06/2025 in order to gain enough information regarding the financial position, results of operations and cash flows of the Group.

#### **2.1.3 . Accounting estimates**

The preparation of Separate Financial Statements in conformity with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and legal regulations relating to financial reporting requires the Board of Management to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of liabilities, assets and disclosures of contingent liabilities and assets at the date of the separate financial statements and the reported amounts of revenues and expenses during the fiscal year.

The estimates and assumptions that have a material impact in the Separate Financial Statements include:

- Provision for doubtful debts;
- Provision for dévaluation of inventory;
- Estimated allocation of prepaid expenses;
- Estimated useful life of fixed assets;
- Classification and provision of financial investments;
- Estimated income tax.

Such estimates and assumptions are continually evaluated. They are based on historical experience and other factors, including expectations of future events that may have a financial impact on the Company and that are assessed by the Board of Management to be reasonable under the circumstances.

## **2.5 . Financial Instruments**

### *Initial recognition*

#### Financial assets

Financial assets of the Company include cash, cash equivalents, trade receivables, other receivables, lending loans, long-term and short-term investments. At initial recognition, financial assets are identified by purchasing price/issuing cost plus other expenses directly related to the purchase and issuance of those assets.

#### Financial liabilities

Financial liabilities of the Company include trade payables and other payables. At initial recognition, financial liabilities are determined by issuing price plus other expenses directly related to the issuance of those liabilities.

### *Subsequent measurement after initial recognition*

Financial assets and financial liabilities are not revalued according to fair value at the end of the period because the Circular No.210/2009/TT-BTC and prevailing statutory regulations require to present Financial statements and Notes to financial instruments but not provide any relevant instruction for assessment and recognition of fair value of financial assets and financial liabilities.

## **2.6 . Foreign currency transactions**

The foreign currency transactions during the year are translated into Vietnam Dong using the real exchange rate ruling at the transaction date.

Real exchange rate when revaluating monetary items denominated in foreign currencies at the reporting date of the Separate Financial statements is determined on the following principles:

- For asset accounts, applying the bid rate of the commercial bank where the Company regularly conducts transaction;
- For foreign currency deposited in bank, applying the bid rate of the bank where the Company opens its foreign currency accounts;
- For liability accounts, applying the offer rate of the commercial bank where the Company regularly conducts transaction.

All exchange differences arising from foreign currency transactions in the year and from revaluation of remaining foreign currency monetary items at the end of the year are recorded immediately to operating results of the accounting year.

## **2.7 . Cash and cash equivalents**

Cash comprises cash on hand, demand deposits.

Cash equivalents are short-term investments with the maturity of not over than 3 months from the date of investment, that are highly liquid and readily convertible into known amount of cash and that are subject to an insignificant risk of conversion into cash.

## 2.8 . Financial investments

*Trading securities* are initially recognized at original cost which includes purchase prices plus any directly attributable transaction costs such as brokerage, transaction fee, cost of information provision, taxes, bank's fees and charges. After initial recognition, trading securities are measured at original cost less provision for diminution in value of trading securities. Upon liquidation or transfer, cost of trading securities is determined using first in first out method or weighted average method.

*Investments held to maturity* comprise term deposits held to maturity to earn profits periodically and other held to maturity investments.

*Investments in subsidiaries, joint ventures or associates* are initially recognized at original cost. After initial recognition, the value of these investments is measured at original cost less provision for devaluation of investments.

*Equity Investments in other entities* comprise investments in equity instruments of other entities without having control, joint control, or significant influence on the investee. These investments are initially stated at original cost. After initial recognition, these investments are measured at original cost less provision for devaluation of investments.

Provision for devaluation of investments is made at the end of the period as follows:

- Investments in trading securities: provision shall be made on the basis of the excess of original cost of the investments recorded in the accounting book over their market value at the provision date.
- Investments in subsidiaries, joint ventures or associates: provision shall be made based on the Financial Statements of subsidiaries, joint ventures or associates at the provision date.
- Long-term investments (other than trading securities) without significant influence on the investee: If the investment in listed shares or the fair value of the investment is determined reliably, provisions shall be made on the basis of the market value of the shares; if the fair value of the investment is not determined at the reporting date, provision shall be made based on the Financial Statements at the provision date of the investee.
- Investments held to maturity: provision for doubtful debts shall be made based on the recovery capacity in accordance with statutory regulations.

## 2.9 . Receivables

The receivables shall be recorded in details in terms of due date, entities receivable, types of currency and other factors according to requirements for management of the Company. The receivables shall be classified into short-term receivables or long-term receivables on the interim Separate financial statements according to their remaining terms at the reporting date.

The provision for doubtful debts is made for receivables that are overdue under an economic contract, a loan agreement, a contractual commitment or a promissory note and for receivables that are not due but difficult to be recovered. Accordingly, the provisions for overdue debts shall be based on the due date stipulated in the initial sale contract, exclusive of the debt rescheduling between contracting parties and the case where the debts are not due but the debtor is in bankruptcy, in dissolution, or missing and making fleeing.



**2.10 . Inventories**

Inventories are initially recognized at original cost including purchase price, processing cost and other costs incurred in bringing the inventories to their location and condition at the time of initial recognition. After initial recognition, at the reporting date, inventories are stated at the lower of cost and net realizable value.

Net realizable value is estimated based on the selling price of the inventory minus the estimated costs for completing the products and the estimated costs needed for their consumption.

The cost of inventory is calculated using weighted average method.

Inventory is recorded by perpetual method.

Method for valuation of work in process at the end of the period: The value of work in progress is recorded based on actual cost incurred for each unfinished product.

Provision for devaluation of inventories made at the end of the period is based on the excess of original cost of inventory over their net realizable value.

**2.11 . Fixed assets**

Fixed assets (tangible and intangible) are initially stated at the historical cost. During the using time, fixed assets (tangible and intangible) are recorded at cost, accumulated depreciation and carrying amount.

*Subsequent measurement after initial recognition*

If these costs aument future economic benefits obtained from the use of tangible fixed assets are extended to their initial standards conditions, these costs are capitalized as an incremental in their historical cost.

Other costs incurred after tangible fixed assets have been put into operation such as repair, maintenance and overhaul costs are recognized in the Separate Statement of Income in the period in which the costs are incurred.

Fixed assets are depreciated (amortised) using the straight-line method over their estimated useful lives as follows:

- Buildings, structures	05 - 30 years
- Machine, equipment	05 - 10 years
- Vehicles, Transportation equipment	06 - 10 years
- Office equipment and furniture	03 - 05 years
- Land use rights	No depreciation
- Managerment software	03 years

**2.12 . Operating lease**

Operating leases is fixed asset leasing in which a significant portion of the risks and rewards of ownership are retained by the lessor. Payments made under operating leases are charged to Statement of Income on a straight-line basis over the period of the lease.

**2.13 . Prepaid expenses**

The expenses incurred but related to operating results of several accounting periods are recorded as prepaid expenses and are allocated to the operating results in the following accounting periods.

The calculation and allocation of long-term prepaid expenses to operating expenses in each accounting period should be based on the nature of those expenses to select a reasonable allocation method and criteria.

Types of prepaid expenses include:

- Prepaid land expenses include prepaid land rental, including those related to leased land for which the Company has received certificate of land use right but not eligible for recording as intangible fixed asset in accordance with the Circular No. 45/2013/TT-BTC dated 25 April 2013 issued by the Ministry of Finance guiding regulation on management, use and depreciation of fixed assets and other expenses related to ensure for the use of leased land. These expenses are recognized in the interim Separate statement of income on a straight-line basis according to the lease term of the contract.

- Tools and supplies include assets which are possessed by the Company in an ordinary course of business, with historical cost of each asset less than 30 million dongs and therefore not eligible for recording as fixed asset under current legal regulations. The historical cost of tools and supplies are allocated on the straight-line basis from 3 to 36 months.

- Major repair costs are recorded at cost and are amortized on a straight-line basis over their useful lives ranging from 12 months to 36 months.

- Other prepaid expenses are recorded at their historical costs and allocated on the straight-line basis from 3 to 36 months.

**2.14 . Payables**

The payables shall be recorded in details in terms of due date, entities payable, types of currency and other factors according to the requirements for management of the Company. The payables shall be classified into short-term payables or long-term payables on the interim Separate financial statements according to their remaining terms at the reporting date.

**2.15 . Borrowings**

Borrowings shall be recorded in details in terms of lending entities, loan agreement and terms of borrowings. In case of borrowings denominated in foreign currency, they shall be recorded in details in terms of types of currency.

**2.16 . Borrowing costs**

Borrowing costs are recognized into operating costs during the period, except for which directly attributable to construction or production of unfinished asset included (capitalized) in the cost of that asset, when gather sufficient conditions as regulated in VAS No. 16 "Borrowing costs". Beside, regarding loans serving the construction of fixed assets, investment properties, and the interests shall be capitalized even if the construction duration is under 12 months.

**2.17 . Owner's equity**

Owner's equity is stated at actually contributed capital of owners.

Share premium is recorded at the difference between the par value with costs directly attributable to the issuance of shares and issue price of shares (including the case of re-issuing treasury shares) and can be a positive premium (if the issue price is higher than par value and costs directly attributable to the issuance of shares) or negative premium (if the issue price is lower than par value and costs directly attributable to the issuance of shares).

Treasury shares bought before the effective date of the Securities Law 2019 (1 January 2021) are shares issued by the Company and bought-back by itself, but these are not cancelled and may be re-issued subsequently in accordance with the Law on Securities. Treasury shares bought after 1 January 2021 will be cancelled and adjusted to reduce equity.

Retained earnings are used to present the Company's operating results (profit, loss) after corporate income tax and profits appropriation or loss handling of the Company.

Dividends to be paid to shareholders are recognised as a payable in Statement of Financial position after the announcement of dividend payment from the Board of Directors and announcement of cut-off date for dividend payment of Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation.

## **2.18 . Revenues**

Revenue is recognized to extent that it is probable that the economic benefits will flow to the Company and the revenue can be reliably measures regardless of when payment is being made. Revenue is measured at the fair value of the consideration received, excluding discounts, rebates, and sales returns. The following specific recognition conditions must also be met when recognizing revenue:

### *Revenue from sale of goods*

- The majority of risks and benefits associated with the right to own the products or goods have been transferred to the buyer;
- The company no longer holds the right to manage the goods as the goods owner, or the right to control the goods

### *Revenue from rendering of services:*

- The percentage of completion of the transaction at the Balance sheet date can be measured reliably.

### *Financial income*

Revenue arising from the used by the others of entity assets yielding interest, royalties and dividends shall be recognised when:

- It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the entity;
- The amount of the revenue can be measured reliably.

Dividend income shall be recognised when the Company's right to receive dividend is established.

## **2.19 . Cost of goods sold and services rendered**

Cost of goods sold and services rendered are cost of finished goods, merchandises, materials sold or services rendered during the period, and recorded on the basis of matching with revenue and on a prudence basis. Cases of loss of materials and goods exceeded the norm, labour cost and fixed manufacturing overheads not allocated to the value of inventory, provision for devaluation of inventory, abnormal expenses and losses of inventories after deducting the responsibility of collective and individuals concerned, etc. is recognized fully and promptly into cost of goods sold in the period even when products and goods have not been determined as sold.

## **2.20 . Financial expenses**

Items recorded into financial expenses comprise:

- Expenses or losses relating to financial investment activities;
- Provision for diminution in value of trading securities price; provision for losses from investment in other entities, losses from sale of foreign currency, exchange loss, etc.

The above items are recorded by the total amount arising in the year without offsetting against financial income

## SEA AND AIR FREIGHT INTERNATIONAL (SAFI)

No. 209, Nguyen Van Thu Street, Tan Dinh Ward,  
Ho Chi Minh City

Interim Separate Financial statements  
For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

### 2.21 . Corporate income tax

#### a) Current corporate income tax expenses

Current corporate income tax expenses are determined based on taxable income during the year and current corporate income tax rate.

#### b) Current corporate income tax rate

The Company is subject to corporate income tax of 20% for the operating activities which has taxable income for the period from 01/01/2025 to 30/06/2025.

### 2.22 . Related Parties

The parties are regarded as related parties if that party has the ability to control or significantly influence the other party in making decisions about the financial policies and activities. The Company's related parties include:

- Companies, directly or indirectly through one or more intermediaries, having control over the Company or being under the control of the Company, or being under common control with the Company, including the Company's parent, subsidiaries and associates;
- Individuals, directly or indirectly, holding voting power of the Company that have a significant influence on the Company, key management personnel including directors and employees of the Company, the close family members of these individuals;
- Enterprises that the above-mentioned individuals directly or indirectly hold an important part of the voting power or have significant influence on these enterprises.

In considering the relationship of related parties to serve for the preparation and presentation of Separate Financial statements, the Company should consider the nature of the relationship rather than the legal form of the relationship.

### 2.23 . Segment information

A segment is a distinguishable component of the Company that is engaged in providing an individual or group of related products or services (business segment), or providing products or services within a particular economic environment (geographical segment). Each segment is subject to risks and returns that are different from other components.

Segment information should be prepared in conformity with the accounting policies adopted for preparing and presenting the financial statements of the Company in order to help users of financial statements better understand and make more informed judgements about the Company as a whole.

## 3 . CASH AND CASH EQUIVALENTS

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Cash on hand	388,996,089	319,063,101
Demand deposits	51,509,391,264	122,211,574,895
Cash equivalents (*)	92,614,943,464	99,598,739,727
	<u>144,513,330,817</u>	<u>222,129,377,723</u>

(\*) As at 30/06/2025, the cash equivalents are 3-month term deposit contracts deposited at securities companies with interest rates from 4.0%/year to 5.6%/year.

**SEA AND AIR FREIGHT INTERNATIONAL (SAFI)**

**Interim Separate Financial statements**

No. 209, Nguyen Van Thu Street, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

**4 . FINANCIAL INVESTMENTS**

**a) Held to maturity investments**

As at June 30, 2025, held-to-maturity investments are term deposit contracts with terms from 6 months to 12 months worth VND 23,742,590,248 deposited at commercial banks with interest rates from 2.8%/year to 4.9%/year.

**b) Trading securities**

	30/06/2025			01/01/2025		
	Original cost VND	Fair value VND	Provision VND	Original cost VND	Fair value VND	Provision VND
- Investment in bond	182,041,778,315	5,294,206,622	-	100,443,510,872	31,980,952,073	-
<i>Bonds of Vinfast Production and Trading Joint Stock Company (**)</i>	2,129,954,220			61,673,744,615		-
<i>Bonds of Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank (**)</i>	59,833,903,067			6,908,183,679		-
<i>Bonds of Vinhomes Joint Stock Company (**)</i>	94,928,962,075	-	-	31,861,582,578	31,980,952,073	-
<i>Vincom Retail Joint Stock Company (*)</i>	3,425,283,773	3,449,835,053	-	-	-	-
<i>Bonds of Masan High-Tech Materials Joint Stock Company (**)</i>	9,512,133,050			-	-	-
<i>Tan Lien Phat Tan Cang Logistics and Real Estate Joint Stock Company</i>	10,416,267,650			-	-	-
<i>Bonds of Hung Yen Urban Development and Investment Company Limited (**)</i>	1,795,274,480	1,844,371,569	-	-	-	-
<i>Bonds of Vingroup Corporation - JSC (*)</i>						
	<b>182,041,778,315</b>	<b>5,294,206,622</b>	<b>-</b>	<b>100,443,510,872</b>	<b>31,980,952,073</b>	<b>-</b>

(\*) The fair value of trading securities is determined based on the closing price of these bonds on the HOSE as at December 31, 2024 and June 30, 2025.

(\*\*) The Company has not determined the fair value of these financial investments because Vietnamese Accounting Standards and the Vietnamese Enterprise Accounting Regime do not have specific guidance on determining fair value.

**SEA AND AIR FREIGHT INTERNATIONAL (SAFI)**

No. 209, Nguyen Van Thu Street, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City

**Interim Separate Financial statements**

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

**c) Investments in equity of other entities**

	30/06/2025			01/01/2025		
	Original cost VND	Fair value VND	Provision VND	Original cost VND	Fair value VND	Provision VND
<b>Investments in subsidiaries</b>						
- Cosfi Transport Agent Company Limited <sup>(1)</sup>	72,473,650,000	-	-	72,473,650,000	-	-
- Safi Infrastructure Investment Co., Ltd <sup>(2)</sup>	60,000,000,000	-	-	12,473,650,000	-	-
<b>Investments in joint ventures</b>						
- SITC Vietnam Company Limited <sup>(3)</sup>	172,379,124,000	-	(975,052,152)	173,359,124,000	-	(975,052,152)
- Yusen Logistics International (Vietnam) Company Limited <sup>(4)</sup>	3,628,344,000	-	-	3,628,344,000	-	-
- Minh Tean - Safi Company Limited <sup>(5)</sup>	4,350,780,000	-	(975,052,152)	4,350,780,000	-	(975,052,152)
- Dong Hong Logistics Da Nang Co., Ltd <sup>(6)</sup>	164,400,000,000	-	-	164,400,000,000	-	-
<b>Investments in other entities</b>						
- Stocks of Vinalines Logistic - Vietnam, JSC (VLG) <sup>(7)</sup>	2,087,000,000	1,365,000,000	(135,000,000)	2,087,000,000	1,680,000,000	-
- New SITC Container Lines Vietnam Co., Ltd <sup>(8)</sup>	1,500,000,000	1,365,000,000	(135,000,000)	1,500,000,000	1,680,000,000	-
- SITC Bondex Vietnam Logistics Co., Ltd <sup>(8)</sup>	467,000,000	-	-	467,000,000	-	-
	120,000,000	-	-	120,000,000	-	-
	<b>246,939,774,000</b>	<b>1,365,000,000</b>	<b>(1,110,052,152)</b>	<b>247,919,774,000</b>	<b>1,680,000,000</b>	<b>(975,052,152)</b>

(\* ) The fair value of long-term investment in shares of Vinalines Logistic Joint Stock Company - Vietnam (Stock Code: VLG) is determined based on the closing price of this security on UPCOM on December 31, 2024 and June 30, 2025.

The Company has not determined the fair value of financial investments since Vietnam Accounting Standards and Vietnam Corporate Accounting System has not had any detailed guidance on the determination of the fair value.

**SEA AND AIR FREIGHT INTERNATIONAL (SAFI)**No. 209, Nguyen Van Thu Street, Tan Dinh Ward,  
Ho Chi Minh City**Interim Separate Financial statements**  
For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025**Investments in subsidiaries:**

Detail information on the Company's subsidiaries as at 30/06/2025 as follows:

Name of subsidiaries	Place of establishment and operation	Rate of interest	Rate of voting rights	Principle activities
Cosfi Transport Agent Company Limited <sup>(1)</sup>	Ho Chi Minh City	100%	100%	Forwarding and shipping agents
Safi Infrastructure Investment Company Limited <sup>(2)</sup>	Ho Chi Minh City	100%	100%	Real estate business, office for rent

(1) According to Business Registration Certificate No. 0312441747, changed for the 6th time on July 2, 2024, the charter capital of Cosfi Transport Agent Company Limited is 2.27 billion VND. The actual contributed capital of the Company as at 30 June 2025 is 2.27 billion VND.

(2) According to Business Registration Certificate No. 0312971945, the charter capital of SAFI Infrastructure Investment Company Limited is 60 billion VND, fully contributed by Safi Transport Agency Joint Stock Company. The actual contributed capital of the Company as at 30 June 2025 is 60 billion VND.

**Investments in joint ventures, associates**

Detail information on the Company's joint ventures, associates as at 30/06/2025 as follows:

Name of associates	Place of establishment and operation	Rate of interest	Rate of voting rights	Principle activities
SITC Vietnam Co., Ltd <sup>(3)</sup>	Hai Phong City	51%	50%	Forwarding and shipping agents
Yusen Logistics International (Vietnam) Company Limited <sup>(4)</sup>	Ho Chi Minh City	45%	45%	International forwarding service and transport business
Minh Toan - Safi Company Limited <sup>(5)</sup>	Da Nang City	50%	50%	Lodging

(3) SITC Vietnam Company Limited (SITC Vietnam) has expired its joint venture and has completed procedures to extend the joint venture. However, after the joint venture extension, the Company no longer controls the business operations of SITC Vietnam, so the Company records its investment in SITC Vietnam as an investment in an associate.

(4) Under a joint venture contract between Sea & Air Freight International (SAFI), Investment Consultancy and Technology Transfer Co., Ltd and Yusen Air & Sea Service Co., Ltd, charter capital of Yusen Logistics International (Vietnam) Co., Ltd (formerly known as Yusen International Transportation and Logistics (Vietnam) Co., Ltd) is USD 600,000, in which the capital contribution of the parties is as follows: Sea & Air Freight International (SAFI) contributes USD 270,000 accounting for 45% of charter capital; Investment Consultancy and Technology Transfer Co., Ltd contributed USD 36,000 accounting for 6% of charter capital and Yusen Air & Sea Service Co., Ltd contributed USD 294,000, accounting for 49% of the charter capital.

Under the joint venture contract, Yusen Logistics International (Vietnam) Co., Ltd has expired its business operation on September 5, 2014. Up to the present time, Yusen Logistics International (Vietnam) Co., Ltd is carrying out procedures for dissolution. The liquidation of the investment will be made upon completion of the dissolution procedure, so the recording of the original cost of the investment and the costs related to the liquidation as well as distributed assets (if any) will be recorded at that time.

(5) As at 30 June 2025, the charter capital of Minh Toan - Safi Company Limited is VND 328,800,000,000, of which the Company's contributed capital is VND 164.4 billion, accounting for 50% of the charter capital; Minh Toan Trading and Service Company Limited contributes VND 164.4 billion.

(6) During the period, the Company had transactions to resell all capital contributions of Dong Hong Logistics Da Nang Company Limited to other investors with a total transfer value of VND 980,000,000.

**SEA AND AIR FREIGHT INTERNATIONAL (SAFI)**

 No. 209, Nguyen Van Thu Street, Tan Dinh Ward,  
 Ho Chi Minh City

**Interim Separate Financial statements**  
 For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

**Investments in equity of other entities**

Name of entities received capital	Place of establishment and operation	Number of shares hold/ Rate of interest	Principle activities
Stocks of Vinalines Logistic - Vietnam., JSC (VLG)	Ha Noi	150,000 shares	Transport service
New SITC Container Lines Vietnam Company Limited <sup>(7)</sup>	Hai Phong	20%	Freight agency services
SITC Bondex Vietnam Logistics Company Limited <sup>(8)</sup>	Hai Phong	1%	Forwarding and shipping agents

(7), (8): According to the Board of Management' Resolution No. 08-2019/NQ-HĐQT dated September 16, 2019, the Company decided to contribute capital to establish companies including: New SITC Container Lines Vietnam Co., Ltd and SITC Bondex Vietnam Logistics Co., Ltd with the charter capital of VND 2,335,000,000 and VND 12,000,000,000 respectively. For New SITC Containers Vietnam Co., Ltd, although the interest rate is 20%, but the Company is not involved in the operation, this investment is classified as other long-term investments.

**5 . SHORT - TERM TRADE RECEIVABLES**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Value VND	Provision VND	Value VND	Provision VND
<b>a) Trade receivables detailed by type of service</b>				
- Receivables from customers of shipping lines	6,701,834,919	-	7,483,714,006	-
- Receivables from customers of forwarding	72,928,922,574	-	70,423,318,288	-
- Receivables from customers of sea and air freight	62,964,479,413	-	59,153,130,377	-
Other trade receivables	2,680,581,087	-	2,680,581,087	-
	<b>145,275,817,993</b>	<b>-</b>	<b>139,740,743,758</b>	<b>-</b>
<b>b) Trade receivables detailed by customers with large account balances</b>				
<i>Related Parties</i>	<i>108,605,336</i>	-	-	-
Cosfi Transport Agent JSC	108,605,336	-	-	-
<i>Others</i>	<i>145,167,212,657</i>	-	<i>139,740,743,758</i>	-
Donghong Logistics (Singapore) Pte.Ltd	17,504,976,103	-	24,917,250,516	-
Truong Giang International Transport Co., Ltd	10,847,483,404	-	8,676,069,105	-
Other trade receivables	116,814,753,150	-	106,147,424,137	-
	<b>145,275,817,993</b>	<b>-</b>	<b>139,740,743,758</b>	<b>-</b>



**SEA AND AIR FREIGHT INTERNATIONAL (SAFI)**

 No. 209, Nguyen Van Thu Street, Tan Dinh Ward,  
 Ho Chi Minh City

**Interim Separate Financial statements**  
 For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

**6 . OTHER RECEIVABLES**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Value	Provision	Value	Provision
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Short-term</b>				
<b>a1) Detailed by contents</b>				
Receivables from interest of deposit, loan	1,308,531,091	-	1,082,520,150	-
Receivables from social insurance	107,269,344	-	108,997,344	-
Advances	18,721,426,000	-	24,966,701,554	-
Deposits	4,246,514,368	-	10,575,187,622	-
Others	4,313,338,704	-	1,729,611,487	-
	<u>28,697,079,507</u>	<u>-</u>	<u>38,463,018,157</u>	<u>-</u>
<b>a2) Detailed by object</b>				
<b>Related parties</b>	<b>6,500,000,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Mr. Nguyen Hoang Anh	6,500,000,000	-	-	-
<b>Other parties</b>	<b>22,197,079,507</b>	<b>-</b>	<b>38,463,018,157</b>	<b>-</b>
Hal Nguyen Minh Services Trading Co., Ltd	-	-	5,000,000,000	-
Others	22,197,079,507	-	33,463,018,157	-
	<u>28,697,079,507</u>	<u>-</u>	<u>38,463,018,157</u>	<u>-</u>
<b>b) Long-term</b>				
Hal Nguyen Minh Services Trading Co., Ltd	5,000,000,000	-	-	-
Other deposits	1,462,473,600	-	1,462,473,600	-
	<u>6,462,473,600</u>	<u>-</u>	<u>1,462,473,600</u>	<u>-</u>

**7 . INVENTORIES**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Original cost	Provision	Original cost	Provision
	VND	VND	VND	VND
Raw material	164,279,972	-	84,038,730	-
Work in process	5,494,140,307	-	5,221,223,728	-
Goods	39,524,074,640	-	40,215,251,530	-
	<u>45,182,494,919</u>	<u>-</u>	<u>45,520,513,988</u>	<u>-</u>

**SEA AND AIR FREIGHT INTERNATIONAL (SAFI)**

No. 209, Nguyen Van Thu Street, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City

**Interim Separate Financial statements**

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

**8 . TANGIBLE FIXED ASSETS**

	Buildings, structures	Machinery, equipment	Transportation equipment	Management equipment	Total
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Historical cost</b>					
Beginning balance	52,511,173,037	6,260,768,079	158,716,376,558	2,605,352,066	220,093,669,740
- Purchase in the period	-	-	-	-	-
- Liquidation, disposal	-	-	(10,078,766,990)	-	(10,078,766,990)
<b>Ending balance of the period</b>	<b>52,511,173,037</b>	<b>6,260,768,079</b>	<b>148,637,609,568</b>	<b>2,605,352,066</b>	<b>210,014,902,750</b>
<b>Accumulated depreciation</b>					
Beginning balance	29,396,843,292	6,202,574,879	134,963,673,575	2,402,250,297	172,965,342,043
- Depreciation for the period	836,850,948	15,594,168	4,288,023,080	86,448,444	5,226,916,640
- Liquidation, disposal	-	-	(9,764,535,384)	-	(9,764,535,384)
<b>Ending balance of the period</b>	<b>30,233,694,240</b>	<b>6,218,169,047</b>	<b>129,487,161,271</b>	<b>2,488,698,741</b>	<b>168,427,723,299</b>
<b>Net carrying amount</b>					
Beginning balance	23,114,329,745	58,193,200	23,752,702,983	203,101,769	47,128,327,697
<b>Ending balance</b>	<b>22,277,478,797</b>	<b>42,599,032</b>	<b>19,150,448,297</b>	<b>116,653,325</b>	<b>41,587,179,451</b>

*In which:*

- Cost of fully depreciated tangible fixed assets but still in use at the end of the year: VND 115,143,874,196.

**SEA AND AIR FREIGHT INTERNATIONAL (SAFI)**No. 209, Nguyen Van Thu Street, Tan Dinh Ward,  
Ho Chi Minh City**Interim Separate Financial statements**  
For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025**9 . INTANGIBLE FIXED ASSETS**

	<u>Land use rights<sup>(*)</sup></u>	<u>Computer software</u>	<u>Total</u>
	VND	VND	VND
<b>Historical cost</b>			
Beginning balance	2,245,000,000	2,297,745,000	4,542,745,000
Ending balance of the period	<u>2,245,000,000</u>	<u>2,297,745,000</u>	<u>4,542,745,000</u>
<b>Accumulated depreciation</b>			
Beginning balance	-	2,266,579,726	2,266,579,726
- Depreciation for the period	-	9,841,668	9,841,668
Ending balance of the year	<u>-</u>	<u>2,276,421,394</u>	<u>2,276,421,394</u>
<b>Net carrying amount</b>			
Beginning balance	2,245,000,000	31,165,274	2,276,165,274
Ending balance	<u>2,245,000,000</u>	<u>21,323,606</u>	<u>2,266,323,606</u>

*In which:*

- Cost of fully depreciated intangible fixed assets but still in use at the end of the year: VND 2,238,695,000.

(\*) As at 30/06/2025, the Company's land use rights include:

- + Land lot No. 52-53 Le Duc Tho, Quy Nhon Ward, Gia Lai Province with an area of 150 m2 and a value of VND 1.845 billion is the land use right of indefinite term;
- + Land use right with indefinite term is Sealink villa, Mui Ne with an area of 400 m2 and a value of VND 400 million.

**10 . PREPAID EXPENSES**

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
<b>a) Short-term</b>		
Car rental cost	1,200,000,000	-
	<u>1,200,000,000</u>	<u>-</u>
<b>b) Long-term</b>		
Land rent at Da Nang Branch	2,391,524,724	2,457,955,968
Major repairing cost for the property	54,177,502	399,428,716
Others	-	96,000,000
	<u>2,445,702,226</u>	<u>2,953,384,684</u>

**SEA AND AIR FREIGHT INTERNATIONAL (SAFI)**No. 209, Nguyen Van Thu Street, Tan Dinh Ward,  
Ho Chi Minh City**Interim Separate Financial statements**  
For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025**11 . SHORT - TERM TRADE PAYABLES**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Outstanding balance	Amount can be paid	Outstanding balance	Amount can be paid
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Trade payable to the suppliers detailed by type of service</b>				
Payables to air service companies	62,753,930,010	62,753,930,010	87,332,005,478	87,332,005,478
Payables to sea service companies	6,693,684,344	6,693,684,344	6,201,446,620	6,201,446,620
Payables to logistic service companies	37,494,358,151	37,494,358,151	38,853,342,082	38,853,342,082
Payables for ship agency service	349,423,368	349,423,368	386,708,728	386,708,728
Payable on Purchase of goods	3,106,192,949	3,106,192,949	3,106,192,949	3,106,192,949
Others	5,486,186,186	5,486,186,186	3,802,881,135	3,802,881,135
	<u>115,883,775,008</u>	<u>115,883,775,008</u>	<u>139,682,576,992</u>	<u>139,682,576,992</u>
<b>b) Trade payables detailed by suppliers with large account balances</b>				
<b>b1) Related parties</b>				
Safi Infrastructure Investment Co., Ltd	4,462,482,283	4,462,482,283	3,237,407,097	3,237,407,097
	4,462,482,283	4,462,482,283	3,237,407,097	3,237,407,097
<b>b2) Others</b>				
Sky Cargo Services Co., Ltd	111,421,292,725	111,421,292,725	136,445,169,895	136,445,169,895
Japan Airlines Co., Ltd. - Ticket Office	21,779,646,126	21,779,646,126	23,829,671,954	23,829,671,954
	19,295,262,120	19,295,262,120	22,764,638,160	22,764,638,160
Others	70,346,384,479	70,346,384,479	89,850,859,781	89,850,859,781
	<u>115,883,775,008</u>	<u>115,883,775,008</u>	<u>139,682,576,992</u>	<u>139,682,576,992</u>

**SEA AND AIR FREIGHT INTERNATIONAL (SAFI)**

No. 209, Nguyen Van Thu Street, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City

**Interim Separate Financial statements**

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

**12 . TAX AND OTHER PAYABLES TO THE STATE BUDGET**

	Opening receivables	Opening payables	Payables in the period	Actual payment in the period	Closing receivables	Closing payables
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Value added tax	-	82,432,183	586,109,904	584,440,768	-	84,101,319
Corporate income tax	-	5,401,155,690	11,053,879,993	7,856,509,215	-	8,598,526,468
Personal income tax	-	548,568,748	2,919,474,441	3,387,106,975	-	80,936,214
Land tax and land rental	-	-	145,885,428	145,885,428	-	-
Fees and other obligations	-	-	240,591,712	240,591,712	-	-
	-	<b>6,032,156,621</b>	<b>14,945,941,478</b>	<b>12,214,534,098</b>	-	<b>8,763,564,001</b>

The Company's tax settlements are subject to examination by the tax authorities. Because the application of tax laws and regulations on many types of transactions is susceptible to varying interpretations, amounts reported in the Interim Separate Financial Statements could be changed at a later date upon final determination by the tax authorities.

**13 . OTHER PAYABLES**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Short-term</b>		
- Trade union fund	176,868,822	177,900,824
- Short-term deposits, collateral received	872,012,841	677,012,841
- Dividend, profit payables	239,047,330	227,920,930
- Others	1,564,516,916	1,266,719,734
	<b>2,852,445,909</b>	<b>2,349,554,329</b>
<b>b) Long-term</b>		
- Long-term deposits, collateral received	91,160,000	91,160,000
	<b>91,160,000</b>	<b>91,160,000</b>

**SEA AND AIR FREIGHT INTERNATIONAL (SAFI)**

**Interim Separate Financial statements**

No. 209, Nguyen Van Thu Street, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

**14 . OWNER'S EQUITY**

**a) Changes in owner's equity**

	Contributed capital		Share capital surplus	Treasury stocks	Investment and development funds	Other reserves		Retained earnings	Total
	VND	VND				VND	VND		
<b>Beginning balance of previous period</b>	238,160,460,000	26,882,847,992	(17,300,120,000)	93,092,391,566	251,695,874,966	112,288,129,556	704,819,584,080		
Increase in capital in previous period	10,710,000,000	-	-	-	-	-	10,710,000,000		
Profit for previous period	-	-	-	-	-	38,016,488,317	38,016,488,317		
Profit distribution	-	-	-	9,587,848,223	39,242,211,541	(98,020,482,231)	(49,190,422,467)		
<b>Ending balance of previous period</b>	248,870,460,000	26,882,847,992	(17,300,120,000)	102,680,239,789	290,938,086,507	52,284,135,642	704,355,649,930		
<b>Beginning balance of current period</b>	248,870,460,000	26,882,847,992	(17,300,120,000)	102,680,239,789	290,938,086,507	85,570,890,138	737,642,404,426		
Profit for current period	-	-	-	-	-	72,062,096,808	72,062,096,808		
Profit distribution	-	-	-	7,838,499,768	-	(56,504,117,698)	(48,665,617,930)		
<b>Ending balance of this period</b>	248,870,460,000	26,882,847,992	(17,300,120,000)	110,518,739,557	290,938,086,507	101,128,869,248	761,038,883,304		

According to the Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 01/NQ-DHDCD/SAFI-2025 dated March 7, 2025, the Company announces the profit distribution for 2024 as follows:

	Rate	Amount
Net Profit after tax	%	VND
Investment and development funds	100.00%	85,570,890,138
Bonus and welfare fund	9.16%	7,838,499,768
Paid dividends (20%) (*)	2.75%	2,351,549,930
Retained profit	54.12%	46,314,068,000
	33.97%	29,066,772,440

**SEA AND AIR FREIGHT INTERNATIONAL (SAFI)**

 No. 209, Nguyen Van Thu Street, Tan Dinh Ward,  
 Ho Chi Minh City

**Interim Separate Financial statements**  
 For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

**(\*) Information on the remaining 2024 cash dividend**

- Last registration date: May 23, 2025;
- Implementation rate: 10%/share (01 share receives VND 1,000);
- Payment date: May 30, 2025.

**b) Details of owner's invested capital**

	Rate	30/06/2025	Rate	01/01/2025
	(%)	VND	(%)	VND
Mr. Nguyen Hoang Anh	4.22	10,500,000,000	4.86	12,100,000,000
Samarang Ueits	8.21	20,436,150,000	8.15	20,286,150,000
NMVT Investment JSC	53.04	132,000,000,000	51.19	127,400,000,000
Mr. Nguyen Hoang Dung	6.72	16,720,000,000	6.72	16,720,000,000
Other shareholders	20.86	51,914,190,000	22.13	55,064,190,000
Treasury stock	6.95	17,300,120,000	6.95	17,300,120,000
	<b>100</b>	<b>248,870,460,000</b>	<b>100</b>	<b>248,870,460,000</b>

**c) Capital transactions with owners and distribution of dividends and profits**

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Owner's contributed capital	248,870,460,000	248,870,460,000
- At the beginning of period	248,870,460,000	238,160,460,000
- Increase in the period	-	10,710,000,000
- At the ending of period	<u>248,870,460,000</u>	<u>248,870,460,000</u>
Distributed dividends and profit:		
- Dividend payable at the beginning of the period	227,920,930	216,794,530
- Dividend payable in the period:	46,314,068,000	46,314,068,000
+ Dividend payable from last year's profit	46,314,068,000	132,516,204,000
- Dividend paid in cash during the year	(46,302,941,600)	(46,204,491,200)
+ Dividend paid from last year's profit	(46,302,941,600)	(46,204,491,200)
- Dividend payable at the end of the period	<u>239,047,330</u>	<u>326,371,330</u>

**d) Shares**

	30/06/2025	01/01/2025
Quantity of Authorized issuing shares	24,887,046	24,887,046
Quantity of issued shares	24,887,046	24,887,046
- Common shares	24,887,046	24,887,046
Quantity of shares repurchased	1,730,012	1,730,012
- Common shares	1,730,012	1,730,012
Quantity of outstanding shares in circulation	23,157,034	23,157,034
- Common shares	23,157,034	23,157,034
Par value per share (VND)	10,000	10,000

**e) Company's funds**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Investment and development fund	110,518,739,557	102,680,239,789
Other funds belonging to owners' equity	290,938,086,507	290,938,086,507
	<b>401,456,826,064</b>	<b>393,618,326,296</b>

**SEA AND AIR FREIGHT INTERNATIONAL (SAFI)**No. 209, Nguyen Van Thu Street, Tan Dinh Ward,  
Ho Chi Minh City**Interim Separate Financial statements**  
For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025**15 . OFF STATEMENT OF FINANCIAL POSITION ITEMS AND OPERATING LEASE COMMITMEI****a) Operating asset for leasing**

The company signs land lease contracts at a number of locations to use for production and business purposes. As follows:

No	Location	Acreage	Rental period
1	No. 28 Dao Tri Street, Phu Nhuan Ward, District 7, Ho Chi Minh City (*)	10,000 m2	50 years, from January 18, 2000 to January 18, 2050
2	Lot NM6 Phu Thi Small and Medium Industrial Park, Gia Lam, Hanoi (*)	4,800 m2	50 years, from January 20, 2003 to January 20, 2053
3	No. 2, Da Nang Industrial Park, An Hai Ward, Son Tra District, Da Nang City (**)	9,488.40 m2	36 years and 4 months, from May 11, 2007 to September 21, 2043

(\*) Land lease payment annually

(\*\*) Land lease with one-time rental payment for the entire lease term

**b) Foreign currencies**

	30/06/2025	01/01/2025
- USD	1,436,347.22	3,717,659.18

**16 . TOTAL REVENUE FROM SALES OF GOODS AND RENDERING OF SERVICES**

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Revenue from sale of goods	891,157,947	1,067,318,324
Revenue from Logistics operations	283,466,645,266	255,133,910,566
Revenue from Fowarding operations	228,399,199,452	219,562,397,825
Revenue from shipping agency services and other activities	2,211,181,605	2,341,147,860
	<u>514,968,184,270</u>	<u>478,104,774,575</u>

**17 . COSTS OF GOODS SOLD AND SERVICES RENDERED**

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Costs of finished goods sold	691,176,890	865,036,800
Cost of logistics operations	228,173,844,779	212,270,419,492
Cost of forwarding operations	198,654,860,853	194,463,952,772
Cost of shipping agency services and other activities	356,906,366	370,892,466
	<u>427,876,788,888</u>	<u>407,970,301,530</u>



**SEA AND AIR FREIGHT INTERNATIONAL (SAFI)**No. 209, Nguyen Van Thu Street, Tan Dinh Ward,  
Ho Chi Minh City**Interim Separate Financial statements**  
For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025**18 . FINANCIAL INCOME**

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Interest income, interest from loans	2,655,051,402	2,839,793,427
Gain from sale of securities investments	2,930,398,866	2,285,222,843
Dividends, profits earned	31,478,411,192	6,856,050,736
Realized gain from foreign exchange difference	3,814,568,341	5,279,472,390
Unrealized gain from foreign exchange difference	224,449,425	1,577,327,766
	<b><u>41,102,879,226</u></b>	<b><u>18,837,867,162</u></b>

**19 . FINANCIAL EXPENSES**

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Realized loss from foreign exchange difference	297,723,177	146,966,632
Reversal of provision/Provision for impairment of trading securities and investment losses	135,000,000	(960,000,000)
Others	-	7,003,897
	<b><u>432,723,177</u></b>	<b><u>(806,029,471)</u></b>

**20 . SELLING EXPENSES**

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Labor	27,797,931,515	23,947,244,657
Depreciation and amortisation	1,025,329,266	1,132,202,896
Expenses from external services	5,730,394,008	6,093,586,162
Other expenses by cash	1,704,768,448	1,595,975,497
	<b><u>36,258,423,237</u></b>	<b><u>32,769,009,212</u></b>

**21 . GENERAL ADMINISTRATIVE EXPENSES**

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Labor	3,622,325,803	3,621,709,414
Depreciation and amortisation	609,260,954	2,021,669,181
Tax, Charge, Fee	408,495,711	100,856,802
Expenses from external services	3,244,573,590	5,621,690,925
Other expenses by cash	691,207,669	764,924,936
	<b><u>8,575,863,727</u></b>	<b><u>12,130,851,258</u></b>

**SEA AND AIR FREIGHT INTERNATIONAL (SAFI)**No. 209, Nguyen Van Thu Street, Tan Dinh Ward,  
Ho Chi Minh City**Interim Separate Financial statements**  
For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025**22 . OTHER EXPENSE**

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Expenses from liquidation, disposal of fixed assets	151,268,644	-
Others	16,729,124	4,588,219
	<u>167,997,768</u>	<u>4,588,219</u>

**23 . CURRENT CORPORATE INCOME TAX EXPENSES**

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Total profit before tax	82,759,266,699	45,370,862,980
Increase	2,429,443,372	4,588,219
- <i>Ineligible expenses</i>	471,411,545	4,588,219
- <i>Unrealized gain from foreign exchange difference at the end of the previous period is realized this period</i>	1,958,031,827	-
Decrease	(31,702,860,617)	(8,603,577,884)
- <i>Dividend payment</i>	(31,478,411,192)	(6,856,050,736)
- <i>Realized gain from foreign exchange difference</i>	(224,449,425)	(1,577,327,766)
- <i>Realized gain from foreign exchange difference at the end of the previous year is realized this year</i>	-	(170,199,382)
Taxable income	53,485,849,454	36,771,873,315
<b>Current corporate income tax expense (Tax rate 20%)</b>	<u>10,697,169,891</u>	<u>7,354,374,663</u>
Adjustment of tax expenses in previous periods and tax expenses in the current year	356,710,102	-
<i>In which, the adjustments of corporate income tax expenses of previous periods to current corporate income tax expenses of this period:</i>	-	-
Tax payable at the beginning of year	5,401,155,690	6,441,566,463
Tax paid in the year	(7,856,509,215)	(9,540,209,886)
<b>Closing year income tax payable of main business activities</b>	<u>8,598,526,468</u>	<u>4,255,731,240</u>

**24 . BUSINESS AND PRODUCTIONS COST BY ITEMS**

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Raw materials	321,684,867	537,401,813
Labour expenses	33,500,850,443	29,578,004,071
Depreciation and amortisation	5,236,758,308	7,690,418,218
Expenses from external services	430,362,618,851	413,364,555,002
Other expenses by cash	2,870,903,072	2,752,079,538
	<u>472,292,815,541</u>	<u>453,922,458,642</u>

**25 . FINANCIAL INSTRUMENTS****Financial risk management**

The Company's financial risks including market risk, credit risk and liquidity risk.

The Company's financial risks including market risk, credit risk and liquidity risk. The Company has developed its control system to ensure the reasonable balance between cost of incurred risks and cost of risk management. The Board of Management of the Company is responsible for monitoring the risk management process to ensure the appropriate balance between risk and risk control.

**SEA AND AIR FREIGHT INTERNATIONAL (SAFI)**No. 209, Nguyen Van Thu Street, Tan Dinh Ward,  
Ho Chi Minh City**Interim Separate Financial statements**  
For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025**Market risk**

The Company may face with the market risk such as: changes in prices, exchange rates and interest rates.

**Price Risk**

The Company bears price risk of equity instruments from short-term and long-term investments in securities due to the uncertainty of future prices of the securities. As regards, long-term securities held for long-term strategies, at the end of the fiscal year, the Company has no plan to sell these investments.

	Up to 1 year	In 1 to 5 years	In more than 5 years	Total
	VND	VND	VND	VND
<b>As at 30/06/2025</b>				
Short term investments	5,294,206,622	-	-	5,294,206,622
Long term investments	-	1,365,000,000	-	1,365,000,000
	<u>5,294,206,622</u>	<u>1,365,000,000</u>	<u>-</u>	<u>6,659,206,622</u>
<b>As at 01/01/2025</b>				
Short term investments	31,980,952,073	-	-	31,980,952,073
Long term investments	-	1,680,000,000	-	1,680,000,000
	<u>31,980,952,073</u>	<u>1,680,000,000</u>	<u>-</u>	<u>33,660,952,073</u>

**Exchange rate risk**

The Company bears the risk of interest rates due to the transaction made in a foreign currency other than VND such as: revenue, cost, importing materials, good, machinery and equipment ...

**Interest rate risk**

The Company bears the risk of interest rates due to the fluctuation in fair value of future cash flow of a financial instrument in line with changes in market interest rates if the Company has time or demand deposits, borrowings and debts subject to floating interest rates. The Company manages interest rate risk by analyzing the market competition situation to obtain interest beneficial for its operation purpose.

**Credit Risk**

Credit risk is the risk of financial loss to the Company if a counterparty fails to perform its contractual obligations. The Company has credit risk from operating activities (mainly to trade receivables) and financial activities (including deposits, loans and other financial instruments), detailed as follows:

**SEA AND AIR FREIGHT INTERNATIONAL (SAFI)**

 No. 209, Nguyen Van Thu Street, Tan Dinh Ward,  
 Ho Chi Minh City

**Interim Separate Financial statements**  
 For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

	Up to 1 year	In 1 to 5 years	In more than 5 years	Total
	VND	VND	VND	VND
<b>As at 30/06/2025</b>				
Cash and cash equivalents	144,124,334,728	-	-	144,124,334,728
Trade receivables, other receivables	173,972,897,500	6,462,473,600	-	180,435,371,100
Loans	23,742,590,248	-	-	23,742,590,248
	<u>341,839,822,476</u>	<u>6,462,473,600</u>	<u>-</u>	<u>348,302,296,076</u>
<b>As at 01/01/2025</b>				
Cash and cash equivalents	221,810,314,622	-	-	221,810,314,622
Trade receivables, other receivables	178,203,761,915	1,462,473,600	-	179,666,235,515
Loans	23,178,742,050	-	-	23,178,742,050
	<u>423,192,818,587</u>	<u>1,462,473,600</u>	<u>-</u>	<u>424,655,292,187</u>

**Liquidity Risk**

Liquidity risk is the risk that the Company has trouble in settlement of its financial obligations due to the lack of funds. Liquidity risk of the Company is mainly from different maturity of its financial assets and liabilities.

Due date for payment of financial liabilities based on expected payment under the contracts (based on cash flow of the original debts) as follows:

	Up to 1 year	In 1 to 5 years	In more than 5 years	Total
	VND	VND	VND	VND
<b>As at 30/06/2025</b>				
Trade payables, other payables	118,736,220,917	91,160,000	-	118,827,380,917
	<u>118,736,220,917</u>	<u>91,160,000</u>	<u>-</u>	<u>118,827,380,917</u>
<b>As at 01/01/2025</b>				
Trade payables, other payables	142,032,131,321	91,160,000	-	142,123,291,321
	<u>142,032,131,321</u>	<u>91,160,000</u>	<u>-</u>	<u>142,123,291,321</u>

The Company believes that risk level of loan repayment is uncontrollable. The Company has the ability to pay due debts from cash flows from its operating activities and cash received from mature financial assets.

**26 . EVENTS AFTER BALANCE SHEET DATE**

According to Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 01-NQ/DHĐCĐ/SAFI-2025 dated March 7, 2025 of SAFI Transport Agency Joint Stock Company, the Company has issued shares under the Company's employee stock option program (ESOP 2024). Specifically as follows:

- Share name: SAFI Transport Agency Joint Stock Company shares;
- Stock code: SFI;
- Share type: Common shares;
- Par value: VND 10,000/share;

**SEA AND AIR FREIGHT INTERNATIONAL (SAFI)**No. 209, Nguyen Van Thu Street, Tan Dinh Ward,  
Ho Chi Minh City**Interim Separate Financial statements**

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

- Principle of determining the selling price: VND 10,000/share according to Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 01/NQ-ĐHĐCĐ/SAFI-2024 dated March 22, 2024 of the Company;
- Principle of determining the number of shares to be distributed: Officers and employees holding management positions, excellent employees and employees who have contributed a lot to the development of the Company;
- Purpose of issuance: To recognize and reward employees in the company for their outstanding achievements; To encourage commitment, enhance the rights and sense of responsibility of employees towards the Company;
- Transfer restrictions: Restrictions on transferring 100% of the purchased shares within two (02) years from the end of the issuance. After this period, all purchased shares will be freely transferable;
- Capital use plan: Supplementing the Company's working capital;
- Issuance end date: July 8, 2025;
- Total number of shares distributed: 1,155,000 shares;
- Number of employees distributed: 14 people;
- Total number of shares after the issuance (July 8, 2025): 26,042,046 shares, of which:
  - + Number of outstanding shares: 24,312,034 shares.
  - + Number of treasury shares: 1,730,012 shares.

**27 . SEGMENT REPORTING****Under business fields**

	<u>Logistic activities</u>	<u>Forwarding activities</u> VND	<u>Shipping agency services and other activities</u> VND	<u>Grant total</u> VND
Net revenue from sales to external customers	283,466,645,266	228,399,199,452	3,102,339,552	514,968,184,270
Net revenue from transactions with other segments	228,173,844,779	198,654,860,853	1,048,083,256	427,876,788,888
<b>Profit from business activities</b>	<b>55,292,800,487</b>	<b>29,744,338,599</b>	<b>2,054,256,296</b>	<b>87,091,395,382</b>
<b>The total cost of acquisition of fixed assets</b>	-	-	-	-
Segment assets	359,832,833,603	289,930,164,638	3,938,112,827	653,701,111,068
Unallocated assets				245,829,721,848
<b>Total assets</b>	<b>359,832,833,603</b>	<b>289,930,164,638</b>	<b>3,938,112,827</b>	<b>899,530,832,916</b>


**SEA AND AIR FREIGHT INTERNATIONAL (SAFI)**No. 209, Nguyen Van Thu Street, Tan Dinh Ward,  
Ho Chi Minh City**Interim Separate Financial statements**  
For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

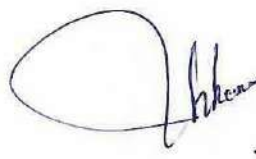
	<u>Logistic activities</u>	<u>Forwarding activities</u>	<u>Shipping agency services and other activities</u>	<u>Grant total</u>
Segment liabilities	68,182,896,346	59,362,035,115	313,188,184	127,858,119,645
Unallocated liabilities				10,633,829,967
<b>Total liabilities</b>	<b><u>68,182,896,346</u></b>	<b><u>59,362,035,115</u></b>	<b><u>313,188,184</u></b>	<b><u>138,491,949,612</u></b>

All of the Company's operations take place within the territory of Vietnam, therefore the Company does not prepare segment reports by geographical area.

**28 . COMPARATIVE FIGURES**

The comparative figures on the Interim Separate Statement of Financial Position and corresponding Notes are taken from the Separate Financial Statements for the fiscal year ended as at 31 December 2024, which was audited by AASC Auditing Firm Company Limited. The comparative figures on the Interim Separate Statement of income, Interim Separate Statement of Cash flows and corresponding Notes are taken from the Interim Separate Financial Statements which have been reviewed for the period from 01/01/2024 to 30/06/2024.

  
**Nguyen Thi Duyen Tham**  
 Preparer  
 Hochiminh, 18 August 2025

  
**Dang Thi Thuy Hang**  
 Chief Accountant

  
**Nguyen Hoang Anh**  
 General Director

